

Số: /KH-THCSHL

Bình Chánh, ngày 20 tháng 9 năm 2010

KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC TRƯỜNG THCS HƯNG LONG
GIAI ĐOẠN 2010 – 2015

PHẦN I: GIỚI THIỆU VỀ NHÀ TRƯỜNG

- ✚ Tên trường: Trường THCS Hưng Long
- ✚ Địa chỉ: Hương lộ 11, Ấp III, xã Hưng Long. H. Bình Chánh. Tp. Hồ Chí Minh.
- ✚ Tel: 37591075 – 22480450
- ✚ Email: hunglong18ae@yahoo.com; c2hunglong.binhchanh.tphcm@moet.edu.vn
- ✚ Trường được xây dựng nâng cấp qua hai giai đoạn:
 - Giai đoạn I, đưa vào sử dụng năm 2000, gồm 10 phòng học.
 - Giai đoạn II, thực hiện năm 2007, đưa vào sử dụng năm 2008, gồm 08 phòng học, 3 phòng bộ môn, khối hành chính, một hội trường (125 chỗ).
 - **Kết quả hoạt động của nhà trường:**

a) Kết quả thi đua, TN.THCS, HSDT:

Năm học	Tập thể tiên tiến	Tập thể LĐXS	TN. THCS	Hiệu suất đào tạo
2004 - 2005	x		98.3%	80.2%
2005 – 2006	x		100%	79.9%
2006 – 2007		x	100%	85.6%
2007 – 2008		x	100%	87.1%
2008 - 2009	x		100%	87.6%

b) Học sinh lưu ban:

Năm học	T.Số	Khối 6		Khối 7		Khối 8		Khối 9		Toàn trường		Ghi Chú
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
04 - 05	671	1	0.6%	1	0.6%	1	0.6%	0		3	0.4%	
05 - 06	660	1	0.5%	1	0.6%	0	0	0		2	0.3%	
06 - 07	658	0	0	0	0	1	0.6%	0		1	0.1%	
07 - 08	672	1	0.5%	1	0.6%	1	0.5%	0		3	0.4%	
08 - 09	681	1	0.5%	0	0%	1	0.7%	0	0%	2	0.3%	

c) Học sinh bỏ học:

Năm học	T.Số	Khối 6		Khối 7		Khối 8		Khối 9		Toàn trường		Ghi Chú
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
04 - 05	692	3	1.7%	4	2.4%	5	3.2%	11	5.8%	23	3.3%	Tăng 2

05 - 06	671	2	1.1%	5	2.9%	0	0.0%	4	2.7%	11	1.6%	
06 - 07	673	2	1.2%	6	3.2%	3	1.8%	0	0.0%	11	1.6%	
07 - 08	685	3	1.6%	2	1.3%	5	2.7%	2	1.3%	12	1.8%	
08 - 09	697	3	1.7%	3	1.7%	4	2.6%	6	3.4%	16	2.3%	

d) Chất lượng bộ môn: từ trung bình trở lên.

STT	Môn	NH 04-05	NH 05-06	NH 06-07	NH 07-08	NH 08- 09
1	N.VĂN	91.6%	93.8%	94.2%	96.3%	91.5%
2	TOÁN	89.1%	95.6%	95.1%	96.7%	96.9%
3	LÝ	98.3%	99.4%	97.3%	98.8%	97.1%
4	HÓA	91.9%	93.5%	95.6%	94.6%	92.7%
5	SINH	90.8%	96.8%	97.1%	94.4%	93.4%
6	SỬ	99.2%	99.4%	98.8%	98.8%	97.1%
7	ĐỊA	97.0%	98.9%	98.5%	98.7%	98.1%
8	GDCD	100%	100.0%	99.5%	99.7%	99.7%
9	ANH	81.1%	92.0%	93.3%	94.4%	92.8%
10	C.NGHỆ	97.9%	98.8%	99.7%	99.6%	98.7%
11	THỂ DỤC	99.6%	100.0%	100.0%	100.0%	100%
12	Â. NHẠC	100%	100.0%	99.8%	99.4%	100%
13	M.THUẬT	100%	100.0%	99.8%	99.4%	100%
14	TIN HỌC				100%	100%

e)Số học sinh bình quân:

Năm học	T.Số HS	Số lớp	Số HS bình quân/lớp	HSGTP
04 - 05	671	17	39.5	6
05 - 06	660	17	38.8	6
06 - 07	658	17	38.7	11
07 - 08	672	17	39.5	9
08 - 09	681	18	37.8	9

f) Chất lượng hai mặt giáo dục:

Về hạnh kiểm:

Năm học	Tổng Số	Tốt		Khá		TB		Yếu	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
04 - 05	671	398	59.3%	203	30.3%	69	10.3%	1	0.1%
05 - 06	660	444	67.3%	171	25.9%	45	6.8%	0	0.0%
06 - 07	658	427	64.9%	158	24.0%	46	7.0%	0	0.0%
07 - 08	672	458	68.2%	171	25.4%	43	6.4%	0	0.0%
08 - 09	681	443	65.1%	193	28.3%	45	6.6%	0	0.0%

Về học lực:

Năm học	TS	Tốt		Khá		TB		Yếu		Kém		Từ TB trở lên	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
04- 05	671	184	27.4%	252	37.6%	189	28.2%	39	5.8%	7	1.0%	625	93.1%
05 -06	660	195	29.5%	290	43.9%	154	23.3%	21	3.2%	0	0.0%	639	96.8%
06-07	658	197	29.9%	303	46.0%	144	21.9%	14	2.1%	0	0.0%	644	97.9%
07-08	672	227	33.8%	308	45.8%	123	18.3%	13	1.9%	1	0.1%	658	97.9%
08-09	681	214	31.4%	292	42.9%	163	23.9%	12	1.8%	0	0.0%	669	98.2%

q)Số giáo viên:

Năm học	T.Số HS	Số lớp	Số GV	TL
04 - 05	671	17	33	1.94
05 - 06	660	17	33	1.94
06 - 07	658	17	33	1.94
07 - 08	672	17	31	1.82
08 - 09	681	18	32	1.78

PHẦN II: KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC 2010 - 2015

I. Phân tích môi trường (SWOT):

1.Đặc điểm tình hình:

1.1 Môi trường bên trong:

a) Mặt mạnh (Strengths):

- Trường thực hiện tốt công tác chính trị tư tưởng.
- Đội ngũ giáo viên khá đồng bộ, có kinh nghiệm giáo dục học sinh. Giữ vững nề nếp, kỷ cương; quan tâm bồi dưỡng học sinh giỏi, chất lượng dạy, học, giáo dục học sinh ổn định trong nhiều năm liền.
- Tốt nghiệp THCS: 100%. Hiệu suất đào tạo ổn định.
- Hầu hết các đoàn thể phát huy được vai trò, hỗ trợ tích cực cho hoạt động “Hai tốt”.

b) Mặt yếu (Weakness)

- Hệ thống thoát nước phía sau trường đã có kế hoạch thực hiện nhưng chưa có kinh phí giải quyết, mùa mưa bị ngập úng khu vực dân cư phía sau trường, nên có gặp khó khăn trong quan hệ giữa nhà trường với khu vực dân cư trên địa bàn trường đóng (đã có QĐ số 6584/QĐ-UBND ngày 29/10/2009 của UBND H. Bình Chánh về duyệt báo cáo kỹ thuật xây dựng công trình đường và cống thoát cho Trường THCS Hưng Long (mở rộng đường út Diệu - ấp chiến lược, xã Hưng Long với tổng kinh phí 1.641.245.000 đ)).
- Những môn năng khiếu phong trào chưa đạt cao như mong muốn tuy có nguồn lực vì ngân sách hạn hẹp.
- Học phí và các khoản thu bị thất thu khá cao (gần 20%).
- Cần tiếp tục giáo dục ý thức, động cơ và thái độ học tập, sinh hoạt cho một số học sinh.
- Tăng cường hơn nữa mối quan hệ “Nhà trường, gia đình và xã hội” để giáo dục hs.
- Chú ý xây dựng đội ngũ giáo viên giỏi và học sinh giỏi đều ở các bộ môn.

▪ CSVC chưa đầy đủ; xây dựng “Nhà trường thân thiện, học sinh tích cực” cần phải đầu tư hơn nữa.

1.1.1 Cơ sở vật chất:

STT	Các loại phòng	Hiện có	Ghi chú
01	Phòng hành chính	01	
02	Phòng BGH	01	
03	Phòng GV	01	
04	Phòng HĐSP	01	
05	Phòng truyền thống	01	
06	Thư viện, thiết bị	02	
07	Phòng bộ môn Lý	01	Thiết bị cũ
08	Phòng bộ môn Hóa	01	Thiết bị cũ
09	Phòng bộ môn Sinh	01	Thiết bị cũ
09	Phòng LAB	01	Không có thiết bị
10	Phòng vi tính	01	25 máy
11	Vệ sinh GV, HS	06	
12	Phòng học bộ môn Nhạc, Mỹ thuật, dinh dưỡng, bóng bàn.	04	
13	Tổng số phòng học	17	
14	Phòng Y tế, tham vấn học đường.	1	
15	Hội trường	01	Gồm 125 chỗ, đã trang bị máy vi tính, projector.

a) Thuận lợi:

- Phòng học đủ, các phòng bộ môn trang bị các danh mục thiết bị tối thiểu để đáp ứng nhu cầu dạy, học.
- Phòng vi tính thường xuyên sửa chữa, bổ sung, nối mạng internet,... hoạt động khá tốt.

b) Thách thức:

- Diện tích sân chơi hẹp 732m² (trường hiện có 681 học sinh).

- Kinh phí cấp phát hạn hẹp, chỉ đủ chi trả lương và các khoản phụ cấp.
- Cơ sở vật chất được trang bị từ trước năm 2000, không đáp ứng kịp nhu cầu đổi mới giáo dục.

1.1.2 Số lớp, số học sinh 5 năm sau:

Năm học	T.Số học sinh	Số lớp	Số HS bình quân/lớp
09 - 10	681	17	40.05HS/lớp
10 - 11	737	16.38	45
11 - 12	793	17.62	45
12 - 13	829	18.42	45
13 - 14	903	20.07	45
14 - 15	1023	22.73	45

a) Thuận lợi:

- Tỷ lệ huy động hs vào lớp đầu cấp đạt 100%.
- Đa số học sinh chăm, ngoan, lễ phép, ra sức học tập, rèn luyện có nhiều tiến bộ; tích cực trong các phong trào do trường, ngành đề ra.
- Tỷ lệ học sinh khá giỏi ổn định.

b) Thách thức:

- Từ năm học 2010 – 2011 sĩ số học sinh ở mỗi lớp khá đông. Đến năm 2011 – 2012 thiếu 50 bộ bàn ghế học sinh (loại 2 chỗ ngồi). Số học sinh tại chỗ tăng nhanh hằng năm, đến năm 2014 – 2015 thiếu 01 phòng học và 140 bộ bàn ghế học sinh (loại 2 chỗ ngồi) vì hiện nay có 10 phòng sử dụng bàn ghế cũ..
- Số học sinh giỏi các môn môn N.Văn (dự thi cấp thành phố ít), Toán, Anh không có.
- Tỷ lệ học sinh bỏ học còn cao.

1.1.3 Giáo viên, nhân viên:

Năm học	Số Lớp	Số GV	Ghi chú
09 - 10	17	32.3	1.9
10 - 11	17	32.3	1.9
11 - 12	18	34.2	1.9
12 - 13	19	36.1	1.9
13 - 14	20	38	1.9
14 - 15	23	43.7	1.9

1.1.4 Tỷ lệ trên chuẩn: 47.6%

1.1.5 Cập nhật trình độ chính trị, ngoại ngữ và UDCNTT :

Nhân sự	TS	trình độ CT từ TC trở lên		Trình độ A				ƯDCNTT	
		SL	%	Tin học	%	Anh	%	SL	%
CBQL	2	1	50.0%	2	100.0%	2	1	2	1
GV	34	4	11.8%	34	100.0%	32	94.1%	32	94.1%
Cộng	36	5	13.9%	36	100.0%	34	94.4%	34	94.4%

1.1.6 Đánh giá tay nghề GV:

Xếp Loại	TS	Nữ	Giỏi		Khá		TB	
			SL	%	SL	%	SL	%
Cộng	32	22	15	46.9%	17	53.1%	0	

a) Thuận lợi:

- Hầu hết giáo viên lớn tuổi, có tay nghề vững, đạt chuẩn, nhiệt tình, quan tâm đến việc giảng dạy, giáo dục học sinh tốt.
- Đa số là giáo viên tại địa phương hoặc các địa phương lân cận nên cự ly đi lại công tác khá thuận lợi.

b) Thách thức:

- Trình độ chưa đồng đều (do năng lực sư phạm mỗi người khác nhau).
- Tỉ lệ trên chuẩn còn thấp so với mặt bằng Huyện; chưa có giáo viên học sau Đại Học.
- Một số trường hợp giáo viên lớn tuổi nên chưa năng động trong giảng dạy, sinh hoạt và đổi mới phương pháp.

1.1.7 Hệ thống thông tin:

a) Thuận lợi:

Trường đã thực hiện nối mạng internet tạo điều kiện cho GV, HS truy cập tư liệu, kết nối được thông tin với phòng GD & ĐT và các đơn vị trong địa bàn H. Bình Chánh.

b) Thách thức:

Còn nhiều giáo viên chưa có máy tính riêng và chưa kết nối mạng internet.

1.1.8 Tài chính:

a) Thuận lợi:

- Có sự phối hợp chặt chẽ giữa phòng Tài Chính – Kế hoạch và Phòng GD & ĐT trong việc phân bổ tài chính cho các trường.
- Ngày càng có nhiều các bậc Mạnh Thường Quân, các doanh nghiệp trên địa bàn hỗ trợ cho giáo dục.

b) Thách thức:

- Ngân sách cấp còn hạn chế không đủ chi các hoạt động như kế hoạch đề ra.
- Nguồn thu của đơn vị hạn hẹp.

1.2 Môi trường bên ngoài:

a) Cơ hội (Opportunities)

- Được sự quan tâm lãnh đạo, giúp đỡ của các cấp lãnh đạo, các đoàn thể địa phương và Ban Đại Diện CMHS.
- Địa phương trong giai đoạn phát triển đô thị hóa nên có nhiều doanh nghiệp đóng trên địa bàn quan tâm ủng hộ cho giáo dục.

b) Thách thức (Threatens)

- Nhiều học sinh vì hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, hoặc vì cha mẹ có cuộc sống riêng các em không sống cùng cha, mẹ nên việc quản lý, giáo dục các em lỏng lẻo làm ảnh hưởng đến chất lượng học tập và duy trì sĩ số.
- Các tụ điểm internet xuất hiện nhiều, dễ lôi cuốn học sinh ham chơi, nghiện game, học yếu, bỏ học; các chủ thì chú trọng lợi ích việc kinh doanh có lợi cho mình nên thường phá vỡ việc quy định, quản lý của địa phương.

1.3. Các vấn đề chiến lược:

Danh mục các vấn đề và ưu tiên giải quyết:

- Vấn đề xây dựng văn hóa nhà trường.
- Vấn đề nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất trường học.
- Vấn đề xây dựng và phát triển đội ngũ.
- Vấn đề nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập và giáo dục học sinh.
- Vấn đề xây dựng “Nhà trường thân thiện, học sinh tích cực”.
- Vấn đề nâng cao các hoạt động ngoại khóa, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

II. Định hướng chiến lược:

2.1. Sứ mạng:

“Xây dựng nhà trường có nền nếp, tạo điều kiện cho các em có cơ hội rèn luyện các kỹ năng sống. Giáo dục các em thành những người tự tin, có khả năng định hướng vươn lên”.

2.2. Các giá trị:

Tinh đoàn kết, tinh thần trách nhiệm, lòng nhân ái, tính trung thực, sự hợp tác, khát vọng vươn lên.

2.3. Tầm nhìn:

“Trường chuẩn quốc gia, chú trọng sự phát triển toàn diện của học sinh và tạo nên những người biết học tập suốt đời”.

III. Mục tiêu chiến lược:

1. Mục tiêu chung:

Từng bước kiện toàn CSVC, thực hiện mục tiêu nâng cao giáo dục toàn diện cho học sinh đáp ứng tốt cho nhu cầu dạy, học địa phương, tiến đến việc xây dựng trường chuẩn quốc gia.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Giảm tỉ lệ học sinh yếu kém xuống còn <1%, học sinh bỏ học < 1% vào năm 2010.
- Duy trì và từng bước nâng cao chất lượng dạy, học; quan tâm xây dựng đội ngũ học sinh và giáo viên giỏi các bộ môn: N.Văn, Toán, Anh.
- Xây dựng ngày càng tốt hơn sự hợp tác trong giảng dạy, học tập.
- Tăng cường ứng dụng CNTT trong giảng dạy, học tập.
- Tăng cường hoạt động ngoại khóa.

IV. Các giải pháp chiến lược:

1. **Quá trình dạy học:**

Phương pháp giảng dạy:

Quan tâm dạy học theo hướng cá thể hóa, “Lấy học sinh làm trung tâm”, “Phát huy tính tích cực của học sinh”, từng bước ứng dụng dạy học theo dự án.

Môi trường học tập:

Xây dựng môi trường an toàn, thân thiện, gắn bó, cởi mở và tôn trọng. người thầy phải chú ý những đặc điểm khác nhau của học sinh và tin tưởng rằng: tất cả học sinh đều học được; nuôi dưỡng, khuyến khích học sinh tích cực tự học và có trách nhiệm học tập.

Nội dung học tập:

Thực hiện đúng, đủ nội dung, chương trình dạy học, chú ý: tính thực tế để lôi cuốn các em học tập.

Đánh giá học sinh:

Theo tiêu chuẩn đánh giá của Bộ GD & ĐT, giúp các em nắm bắt được ưu điểm, tồn tại từ đó có hướng khắc phục.

Phương pháp học tập:

Tạo điều kiện cho các em quen dần với việc tìm tài liệu học tập, hình thành khả năng tự học, niềm say mê tìm tòi để có thể tiếp tục học khi không còn ngồi trên ghế nhà trường.

2. **Phát triển đội ngũ:**

Phát huy trách nhiệm đội ngũ:

- Chú trọng công tác chính trị tư tưởng, rèn luyện đạo đức trong đội ngũ CB, GV, NV
- Nhận thức vai trò của mình trong sự nghiệp trồng người từ đó phát huy tinh thần trách nhiệm trong công việc.

Phát huy tinh thần tự học, tự bồi dưỡng của giáo viên:

Tạo môi trường gắn bó, phát huy những giáo viên có năng lực tốt, giúp nhau cùng tiến bộ, lấy tự học, tự bồi dưỡng là chủ yếu để nâng cao năng lực của đội ngũ.

Khuyến khích sự đổi mới hoạt động dạy học và giáo dục học sinh:

Phát huy sáng kiến cải tiến phương pháp trong lĩnh vực tiếp cận, phát huy năng lực học sinh và chuyển từ truyền thụ kiến thức sang việc tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh.

Có kế hoạch phát triển đội ngũ cụ thể hàng năm.

Thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục, đánh giá và khen thưởng đội ngũ hàng năm.

3. **Cơ sở vật chất, thiết bị, công nghệ và thông tin:**

- Vì số học sinh tăng nhanh nên cần có dự báo tốt và kế hoạch đầu tư CSVC, các trang thiết bị kịp thời, từng giai đoạn, ngắn hạn, trung và dài hạn.
- Khai thác các phương tiện kỹ thuật hiện đại hỗ trợ cho giảng dạy và học tập.
- Thực hiện website của trường để thực hiện công khai chất lượng dạy, học, gắn bó nhà trường với PH, HS, môi trường bên ngoài để có thể điều chỉnh, bổ sung các kế hoạch kịp thời.

4. **Nguồn lực tài chính:**

- Thực hiện đúng các chế độ, chính sách hiện hành từ khâu dự toán, thực hiện đến thanh, quyết toán.
- Các nguồn tài chính huy động thực hiện minh bạch, công khai.
- Chú ý thực hiện kiểm tra nội bộ tốt về công tác này.

5. **Quan hệ với cộng đồng:**

- Tiếp tục củng cố sự gắn bó của nhà trường với cộng đồng.
- Thể hiện tốt vai trò nhà trường là trung tâm văn hóa của địa phương.
- Thường xuyên củng cố và nêu cao vai trò hợp tác giữa các thành viên trong nhà trường với các lực lượng giáo dục bên ngoài nhà trường, tạo sự gần gũi, thân thiện.
- Phát huy tiềm lực của cộng đồng trong việc xây dựng và phát triển giáo dục địa phương; tiếp tục xây dựng “Nhà trường thân thiện, học sinh tích cực”.
- Phối hợp tốt với cộng đồng nhằm sớm khắc phục tình trạng học sinh lưu ban, bỏ học; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; khuyến học, khuyến tài.

6. **Lãnh đạo và quản lý:**

- Thực hiện đổi mới công tác quản lý và lãnh đạo nhà trường. Tập trung nhiều hơn vào lãnh đạo thay đổi để phát triển nhà trường.
- Thực hiện quản lý theo pháp luật.
- Từng bước thực hiện cơ chế phân cấp tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Tự chịu trách nhiệm xã hội về các vấn đề cơ bản như: tổ chức nhân sự, tài chính tài sản, giảng dạy và giáo dục, huy động cộng đồng.
- Tập trung vào mục tiêu phát triển nhà trường và giáo dục toàn diện học sinh.
- Xây dựng văn hóa nhà trường.
- Quan tâm bồi dưỡng đội ngũ kế cận.

V. Đề xuất tổ chức thực hiện:

1) Nâng cao chất lượng giáo dục:

Mỗi cá nhân có kế hoạch thực hiện đổi mới về chuyên môn và biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục, hạn chế học sinh yếu kém bộ môn từ đó góp phần giảm học sinh bỏ học hàng năm. Hiệu trưởng, P. Hiệu trưởng, Tổ trưởng theo dõi, có biện pháp phối hợp, giúp đỡ kịp thời, đánh giá việc thực hiện đổi mới của giáo viên từng giai đoạn, hàng năm.

2) Về CSVC, thiết bị, thông tin:

- Hiệu trưởng có kế hoạch kịp thời, bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị tối thiểu cho dạy, học.
- Hàng năm có dự toán trang thiết bị: bàn, ghế học sinh được cấp theo tốc độ gia tăng học sinh.
- Đến 2012 có kế hoạch xây dựng và mở rộng trường.

3) Về phát triển đội ngũ:

- Có kế hoạch cụ thể qua duyệt kế hoạch nhân sự hàng năm của lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào Tạo.
- Chú trọng bồi dưỡng đội ngũ kế cận và nâng cao năng lực từng thành viên trong nhà trường. (Hiệu trưởng, Chi bộ, các đoàn thể).

4) Về huy động các nguồn lực:

- Sử dụng kinh phí nhà nước theo quy định hiện hành.
- Chú trọng công tác tuyên truyền vận động lực lượng hỗ trợ để bổ sung hoàn thiện nhà trường, chăm sóc CB, GV, NV, HS khó khăn vươn lên học tập.
- Thực hiện tốt công khai, dân chủ.

5) Xây dựng văn hóa nhà trường:

a. Chú ý xây dựng văn hóa nhà trường tích cực, lành mạnh:

- Bầu không khí tâm lý cởi mở, dân chủ, hợp tác, tin cậy và tôn trọng lẫn nhau.
- Mỗi cán bộ, GV, NV đều biết rõ việc mình làm, hiểu rõ trách nhiệm, luôn có ý thức chia sẻ trách nhiệm, tích cực tham gia các công tác giáo dục học sinh.

- Cải tiến phương pháp giảng dạy, giáo viên được khuyến khích tham gia đóng góp ý kiến trong mọi hoạt động nhà trường.
- Chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác nhóm.

b.Tạo môi trường học tập có lợi cho học sinh:

- Học sinh thấy thoải mái, vui vẻ, ham học.
- Học sinh được tôn trọng, được quan tâm của các thành viên trong nhà trường.
- Học sinh thấy rõ được trách nhiệm của mình.
- Nỗ lực học tập để đạt kết quả cao nhất.

c.Tạo môi trường thân thiện cho học sinh:

- An toàn.
- Cởi mở và chấp nhận các nhu cầu và hoàn cảnh khác nhau của học sinh.
- Khuyến khích học sinh phát biểu, hợp tác, chia sẻ.
- Xây dựng mối quan hệ ứng xử tôn trọng, hiểu biết lẫn nhau giữa thầy và trò.

VI. Kết luận và kiến nghị:

- Trên đây là kế hoạch chiến lược 5 năm của trường THCS Hưng Long.
- Trong quá trình thực hiện tùy theo tình hình cụ thể hàng năm, sẽ có điều chỉnh, bổ sung kịp thời.
- **Kiến nghị:** Trường THCS Hưng Long có định hướng xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Kiến nghị quý lãnh đạo quan tâm, hỗ trợ việc mở rộng diện tích đất, có kế hoạch đầu tư nhân sự đáp ứng yêu cầu của địa phương.

Duyệt của lãnh đạo Phòng GD & ĐT H. Bình Chánh

Hiệu trưởng